TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14 /2020/KDTM-PT
Ngày: 23-7-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Lâm Đồng

Các Thẩm phán: 1/ Ông Nguyễn Văn Hải

2/ Ông Nguyễn Quyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Lam Điền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Thanh Bảo Trân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc công khai vụ án thụ lý số: 16/2020/KDTM-PT ngày 23 tháng 4 năm 2020 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 29/2019/KDTM-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 156/2020/QĐPT ngày 24 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP A**

Địa chỉ: Số 25, Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Trần Thanh T** (theo giấy ủy quyền ngày 02/7/2020) (có mặt).

Địa chỉ: 41-41B-41C đường **L**, phường **M**, quận **N**, TP Cần Thơ

Bị đơn: **Công ty B**.

Địa chỉ: 635 lầu 1, đường **L**, phường **O**, quận **N**, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình **C** (có đơn xin vắng mặt)

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1**. Ông Nguyễn Đình C** (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 635 lầu 1, đường **L**, phường **O**, quận **N**, thành phố Cần Thơ.

2. **Bà Trương Anh D**

3. Ông Võ Văn E.

4. Bà Lê Thị Kim G.

5. Ông Võ Thanh H.

Địa chỉ: khu vực **P**, phường **Q**, quận **K**, thành phố Cần Thơ.

6. Bà Võ Thị I.

7. Ông Võ Văn K.

Địa chỉ: Ấp **P**, phường **Q**, quận **K**, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông E, bà **G**, ông **H** và bà **I**: ông Võ Văn **K** (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/09/2017 ***đại diện nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần A trình bày*:**

Ngân hàng A cấp tín dụng cho Công ty B bằng hợp đồng tổng mức cấp tín dụng số TDO.DN.834.210416 ngày 18/05/2016; Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện cấp tín dụng chung số: TDO.DN.485.180516 ngày 18/05/2016; Hợp đồng cấp tín dụng (áp dụng cho vay theo hạn mức tín dụng/ bảo lãnh/ chiết khấu) số: TDP.DN.487.180516 ngày 20/05/2016 và Khế ước nhận nợ số 232513219 ngày 20/02/2017 với mức tổng mức cấp tín dụng: 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Số tiền thực tế giải ngân: 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm triệu đồng). Thời hạn vay: 09 tháng (từ 20/02/2017 đến 20/11/2017). Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh ngành nghề đăng ký trên giấy phép kinh doanh. Lãi suất trong hạn là 9.30%/năm. Lãi suất vay được cố định 06 tháng, kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Từ tháng thứ 13 trở đi, lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần, theo công thức sau: Lãi suất vay (%năm) = LS13 + 3,35 + X. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Khoản nợ trên được bảo đảm bằng việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa số 472;473;464;525, TBĐ 08, tại ấp Phúc Lộc, xã Trung Nhất, huyện **K**, thành phố Cần Thơ. (GCNQSDĐ số vào sổ 000516.QSDĐ.; Ngày cấp: 12/08/1998; Nơi cấp: UBND huyện Thốt Nốt (nay là UBND quận Thốt Nốt), tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng và sở hữu của hộ ông Võ Văn **E** theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng và sở hữu của hộ ông Võ Văn **E** theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: TDO.BĐDN.266.180516 ngày 20/05/2016, Nơi CC: Phòng công chứng N, địa chỉ số 1A, đường T – phường X –

quận **N** – thành phố Cần Thơ, số CC: 4186 quyển số 01/2016/TP/CC-SCC/HĐGD. Nơi ĐKGDBĐ: Văn phòng đăng ký đất đai quận Thốt Nốt – TP.Cần Thơ, số ĐK: số thứ tự 109 ngày ĐK: 20/05/2016.

Trong quá trình vay vốn, Công ty B vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngày 25/7/2017, A đã ra thông báo thu nợ trước hạn và ngày 05/6/2017 A đã ra thông báo chuyển nợ quá hạn của Hợp đồng tổng cấp tín dụng số: TDO.DN.834.210416 ngày 18/05/2016; Hợp đồng cấp tín dụng (áp dụng cho vay theo hạn mức tín dụng/ bảo lãnh/ chiết khấu) số: TDO.DN.487.180516 ngày 20/05/2016 và Khế ước nhận nợ 23253219 ngày 20/02/2017 sang nợ quá hạn.

Do đó, A yêu cầu Tòa án buộc Công ty B trả cho **A** số tiền vốn là 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm triệu đồng) và lãi suất tính đến ngày 22/11/2019 với mức lãi trong hạn là 66.692.500 đồng (Sáu mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng) và lãi quá hạn là 770.371.875 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu ba trăm bảy mươi mốt ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng); lãi phạt và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 23/11/2019 đến ngày Công ty B trả dứt nợ.

Nếu Công ty B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ, bao gồm: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa số 472; 473; 464; 525, TBĐ 08, tại ấp **P**, xã Trung Nhất, huyện **K**, thành phố Cần Thơ (GCNQSDĐB số vào sổ 00516.QSDĐ.; Ngày cấp: 12/08/1998; Nơi cấp: UBND huyện Thốt Nốt (nay là quận Thốt Nốt), tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng và sở hữu của hộ ông Võ Văn **E**

Đồng thời, yêu cầu buộc Nguyễn Đình **C** liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Chứng thư bảo lãnh ký ngày 18/05/2017.

Bị đơn Công ty **B** có người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình **C** đơn yêu cầu vắng mặt tại các buổi hòa giải và xét xử tại Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Ông Nguyễn Đình **C** với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: ông và Ngân hàng A có thỏa thuận vấn đề liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo chứng thư bảo lãnh ký ngày 18/05/2017. Ông có đề nghị Ngân hàng rút lại yêu cầu buộc ông thực hiện theo chứng thư bảo lãnh và phía Ngân hàng đã đồng ý với đề nghị của ông. Do đó ông yêu cầu Tòa án không buộc ông thực hiện nghĩa vụ theo chứng thư bảo lãnh đã ký ngày 18/05/2017.

Tại bản tự khai ngày 07/05/2019 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn **K** đại diện theo ủy quyền cho ông Võ Văn **E**, bà Lê Thị Kim **G**, bà Võ Thị **I**, ông Võ Thanh **H** trình bày: Vào ngày 18/5/2016, Công ty **B** có vay tiền tại Ngân hàng TMCP A với số tiền 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng), thời hạn vay 9 tháng để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh. Để vay được số tiền trên, người có quyền và nghĩa vụ liên quan phải thế chấp cho Ngân hàng TMCP A, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thửa 472, 473, 464, 525 tại ấp **P**, xã Trung Nhứt, huyện **K**, tỉnh Cần Thơ (nay là quận **K**, thành phố Cần Thơ). Trong quá trình vay vốn để bổ sung vốn kinh doanh để đầu tư vào công việc thi công, công trình, tư vấn thiết kế … Do công việc đầu tư không thuận lợi gặp nhiều khó khăn nên bị đơn không trả nợ cho Ngân hàng TMCP A được.

Nay Ngân hàng TMCP A khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan cho rằng số tiền bị đơn vay vốn 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm triệu đồng) do ông Võ Văn **K** nhận số tiền này để sử dụng. Do đó, phía người có quyền và nghĩa vụ liên quan yêu cầu được trả nợ thay cho bị đơn và tự nguyện chịu án phí thay cho bị đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu được rút lại 02 yêu cầu trong đơn khởi kiện cụ thể là: Rút yêu cầu phạt lãi chậm trả đối với bị đơn và rút yêu cầu buộc Nguyễn Đình **C** liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Chứng thư bảo lãnh ký ngày 18/05/2017. Nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 2.923.337.398 đồng (Hai tỷ, năm trăm hai mươi ba triệu, ba trăm ba mươi bảy ngàn, ba trăm chín mươi tám đồng). Nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ, bao gồm: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa số 472; 473; 464; 525, TBĐ 08, tại ấp **P**, xã Trung Nhất, huyện **K**, thành phố Cần Thơ (GCNQSDĐB số vào sổ 00516.QSDĐ.; Ngày cấp: 12/08/1998; Nơi cấp: UBND huyện **K** (nay là quận **K**), tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng và sở hữu của hộ ông Võ Văn **E**.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn **E**, bà Lê Thị Kim **G**, bà Võ Thị **I** và ông Võ Thanh **H**, ông Võ Văn **K** trình bày: thống nhất với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, ông Võ Văn **K** có yêu cầu được trả nợ thay cho bị đơn và tự nguyện chịu án phí thay cho bị đơn.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 29/2019/KDTM-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã tuyên xử như sau:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A đối với yêu cầu phạt lãi chậm trả đối với bị đơn và yêu cầu buộc Nguyễn Đình **C** liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Chứng thư bảo lãnh ký ngày 18/05/2017.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A.

Buộc Công ty **B** có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền 2.937.064.375 đồng (Hai tỷ chín trăm ba mươi bảy triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó số tiền vốn là 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm triệu đồng) và lãi suất tính đến ngày 22/11/2019 là lãi suất trong hạn là 66.692.500 đồng (Sáu mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng) và lãi quá hạn là 770.371.875 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu ba trăm bảy mươi mốt ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng). Bị đơn phải chịu lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán dứt điểm số nợ trên.

Thời gian và cách trả do Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều giải quyết.

Trường hợp bị đơn không trả số tiền nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với tổng diện tích là 27.047m^2 đất tại các thửa đất số 472; 473; 464 và 525 thuộc Tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp **P**, xã Trung Nhất, huyện **K**, tỉnh Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 000516.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện **K** cấp ngày 12/8/1998.

Nếu bị đơn đã thanh toán hết nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục giải chấp tài sản đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông **K**, ông **E**, bà **G**, bà **I** và ông **H** liên đới phải nộp số tiền 90.741.000 đồng (Chín mươi triệu bảy trăm bốn mươi mốt ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.913.000 đồng (Ba mươi bảy triệu chín trăm mười ba ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 007759 ngày 09/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/12/2019 phía nguyên đơn có đơn kháng cáo đề nghị buộc ông Nguyễn Đình **C** có trách nhiệm liên đới cùng Công ty **B** thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **A** theo

chứng thư bảo lãnh ngày 18/5/2017, và buộc Công ty **B** trả cho **A** toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: phía nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới nên không có căn cứ xem xét. Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ và đúng quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điêu 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng) với Công ty **B** có thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, việc tranh chấp trên thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Xét kháng cáo của phía nguyên đơn, Ngân hàng đề nghị buộc ông Nguyễn Đình **C** có trách nhiệm liên đới cùng Công ty **B** thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **A** theo chứng thư bảo lãnh ngày 18/5/2017. Ngân hàng **A** cho rằng tại phiên tòa sơ thẩm thì phía đại diện nguyên đơn chỉ rút yêu cầu đối với phần lãi phạt chậm trả, không rút yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của ông Nguyễn Đình **C**, tòa án cấp sơ thẩm có sự nhầm lẫn nên đã nhận định và tuyên xử đình chỉ yêu cầu nguyên đơn về việc buộc Nguyễn Đình **C** liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Chứng thư bảo lãnh ký ngày 18/05/2017. Hội đồng xét xử xét thấy: tại biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 22/11/2019 (BL 134) đã thể hiện việc ông Nguyễn Đặng P là đại diện ủy quyền của Ngân hàng đã trả lời xin rút lại hai yêu cầu về chứng thư và nợ quá hạn. Chính trong bài phát biểu của kiểm sát viên tham gia tại phiên tòa (BL 130) cũng nhận định tại phiên tòa *"Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện gồm yêu cầu buộc ông Nguyễn Đình **C** phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ*

theo chứng thư bảo lãnh ký ngày 18/5/2017. Cùng với rút yêu cầu phần lãi phạt chậm trả lãi với số tiền 1.173.231 đồng". Như vậy, có cơ sở khẳng định việc đại diện ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu buộc ông Nguyễn Đình **C** phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo chứng thư bảo lãnh ký ngày 18/5/2017 là có thật. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự phù hợp với quy định của pháp luật nên đã đình chỉ đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn đã rút. Như vậy việc cấp sơ thẩm tuyên xử đình chỉ yêu cầu trên của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Việc đại diện nguyên đơn kháng cáo và nại ra cho rằng Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm nhầm lẫn là không có cơ sở.

[3]. Đối với kháng cáo của nguyên đơn về việc buộc Công ty **B** trả cho **A** toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy tại phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên *"Buộc Công ty **B** có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền 2.937.064.375 đồng…Bị đơn phải chịu lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán dứt điểm số nợ trên. Thời gian và cách trả do Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều giải quyết"*. Như vậy, bản án sơ thẩm đã tuyên xử buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 2.937.064.375 đồng là đã giải quyết về mặt nội dung, còn đối với thời gian, cách thức trả nợ là thuộc về giai đoạn thi hành án. Theo điểm c khoản 1 Điều 7 và điểm a khoản 1 Điều 7a Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án được quyền thỏa thuận về việc thi hành án, về thời gian, địa điểm, phương thức, nội dung thi hành án; tại Điều 6 Luật thi hành án dân sự cũng quy định rõ về việc thỏa thuận thi hành án như sau

"1. Đương sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, nếu thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Kết quả thi hành án theo thỏa thuận được công nhận.

Theo yêu cầu của đương sự, Chấp hành viên có trách nhiệm chứng kiến việc thỏa thuận về thi hành án.

2. Trường hợp đương sự không thực hiện đúng thỏa thuận thì có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thi hành phần nghĩa vụ chưa được thi hành theo nội dung bản án, quyết định"

Như vậy, phần cuối của bản án có tuyên *"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo*

quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự" là đã đầy đủ và bao quát. Vì thế phần quyết định bản án còn nêu thêm: "Thời gian và cách trả do Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều giải quyết" là chưa đúng và dễ gây hiểu lầm về việc bỏ qua quyền thỏa thuận thi hành án của các đương sự. Đây là sai sót của cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm. Do đó, cần phải sửa bản án sơ thẩm và bỏ dòng quyết định này. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chỉ có thể chấp nhận yêu cầu trả nợ hay không nợ của đương sự, không thể tuyên giải quyết về thời gian và cách thức trả nợ vì không thuộc thẩm quyền. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không thể xem xét chấp nhận.

[4]. Từ những phân tích trên cho thấy kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo thì Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: giữ nguyên như quyết định của bản án sơ thẩm.

[6]. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên không ai phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1/ Sửa một phần bản án sơ thẩm. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Bỏ câu "Thời gian và cách trả do Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều giải quyết" trong phần quyết định của bản án sơ thẩm.

2/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A đối với yêu cầu phạt lãi chậm trả đối với bị đơn và đình chỉ yêu cầu buộc ông Nguyễn Đình **C** liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Chứng thư bảo lãnh ký ngày 18/05/2017.

3/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A.

Buộc Công ty **B** có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền 2.937.064.375 đồng (Hai tỷ chín trăm ba mươi bảy triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó số tiền vốn là 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm triệu đồng) và lãi suất tính đến ngày 22/11/2019 là lãi suất trong hạn là 66.692.500 đồng (Sáu mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng) và lãi quá hạn là 770.371.875 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu ba trăm bảy mươi mốt ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng). Bị đơn phải chịu lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán dứt điểm số nợ trên.

Trường hợp bị đơn không trả số tiền nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với tổng diện tích là 27.047m^2 đất tại các thửa đất số 472; 473; 464 và 525 thuộc Tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp **P**, xã Trung Nhất, huyện **K**, tỉnh Cần Thơ (cũ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 000516.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện **K** cấp ngày 12/8/1998 cho hộ ông Võ Văn **E**.

Khi bị đơn đã thanh toán hết nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục giải chấp tài sản đảm bảo theo quy định của pháp luật.

4/ Về án phí sơ thẩm: Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn **K**, ông Võ Văn **E**, bà Lê Thị Kim **G**, bà Võ Thị **I** và ông Võ Thanh **H** liên đới phải nộp số tiền 90.741.000 đồng (Chín mươi triệu bảy trăm bốn mươi mốt ngàn đồng) án phí sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.913.000 đồng (Ba mươi bảy triệu chín trăm mười ba ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 007759 ngày 09/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

5/ Về án phí phúc thẩm: Không ai phải chịu án phí phúc thẩm. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 002101 ngày 10/12/2019 và 002391 ngày 09/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THA.DS Q. Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)
Phạm Lâm Đồng